TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC
ISSN: 1859-1612
Journal homepage: https://tckhgd.dhsphue.edu.vn

Đánh giá vai trò của vốn xã hội trong bảo tồn trang phục truyền thống ở huyện A Lưới, thành phố Huế

Mai Văn Chân[1], Nguyễn Hoàng Sơn[2], Lê Phúc Chi Lăng[1], Nguyễn Ngọc Đàn[1], Trần Thị Cẩm Tú[1], Cao Thị Hoa[1], Cao Thị Thanh Thủy[3]

[1]Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

[2]Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin, Đại học Huế

[3]Trường Đại học Quảng Bình

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:
Ngày nhận bài: 28/4/2025
Ngày nhận bản chỉnh sửa: 18/6/2025
Ngày nhận đăng: 19/6/2025
Ngày xuất bản: 20/10/2025

Từ khóa:
Vốn xã hội
Trang phục truyền thống
Huyện A lưới

TÓM TẮT

Nghiên cứu này đánh giá vai trò của vốn xã hội trong bảo tồn trang phục truyền thống tại huyện A Lưới, thành phố Huế với ba thành phần chính: Mạng lưới xã hội (ML), lòng tin (LT) và chuẩn mực xã hội (CM). Dữ liệu từ 150 người dân thuộc 3 dân tộc (Tà Ôi, Cơ Tu, Kinh) được thu thập qua bảng 30 câu hỏi dùng thang Likert 5 điểm, phân tích bằng phương pháp nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính. Kết quả cho thấy cả ba thành phần vốn xã hội đều ảnh hưởng đáng kể đến ý định bảo tồn, trong đó chuẩn mực xã hội có tác động mạnh nhất. Dân tộc Tà Ôi và Cơ Tu phụ thuộc nhiều vào mạng lưới xã hội và lòng tin, trong khi nhóm dân tộc Kinh ít bị ảnh hưởng bởi lòng tin. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp như tăng cường hoạt động cộng đồng, giáo dục văn hóa, liên kết thị trường… để thúc đẩy bảo tồn trang phục truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa.

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hiện đại hóa diễn ra nhanh chóng, trang phục truyền thống của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ mai một nghiêm trọng. Sự phát triển của thời trang hiện đại, xu hướng hội nhập văn hóa, và sự suy giảm của các hoạt động nghi lễ truyền thống đã làm giảm tần suất sử dụng trang phục dân tộc trong đời sống hàng ngày. Huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, là một khu vực đa dạng về văn hóa với sự hiện diện của các dân tộc Tà Ôi, Cơ Tu, và Kinh. Nơi đây nổi tiếng với nghề dệt Zèng truyền thống và các bộ trang phục dân tộc độc đáo, vốn không chỉ là biểu tượng của bản sắc văn hóa mà còn gắn liền với các nghi lễ, lễ hội, và đời sống tâm linh. Tuy nhiên, sự đứt gãy trong việc truyền dạy kỹ năng dệt vải, may vá và sử dụng trang phục truyền thống, đặc biệt ở thế hệ trẻ, cùng với áp lực từ lối sống đô thị hóa, đang đặt ra thách thức lớn cho việc bảo tồn di sản văn hóa này (Liên, 2023).

Vốn xã hội, bao gồm mạng lưới quan hệ, lòng tin, và chuẩn mực xã hội, được xem là một công cụ quan trọng trong việc duy trì các giá trị văn hóa truyền thống, trong đó có trang phục dân tộc. Portes (1998) đã chỉ ra rằng vốn xã hội có thể hỗ trợ bảo tồn văn hóa thông qua việc duy trì các mối quan hệ chặt chẽ và lòng tin giữa các thành viên cộng đồng, từ đó giúp bảo vệ các giá trị truyền thống trước áp lực của hiện đại hóa (Portes, 1998). Woolcock (1998) nhấn mạnh rằng vốn xã hội, thông qua các mối quan hệ liên kết trong cộng đồng, có thể hỗ trợ việc duy trì các phong tục văn hóa trước áp lực hiện đại hóa. Lin (2001) định nghĩa vốn xã hội là các nguồn lực có được thông qua các mối quan hệ xã hội, giúp cá nhân và cộng đồng đạt được các mục tiêu chung, chẳng hạn như bảo tồn văn hóa. Trên thế giới, các nghiên cứu đã chỉ ra vai trò của vốn xã hội trong bảo tồn trang phục truyền thống. Ví dụ, Tarlo (1996) trong nghiên cứu về trang phục truyền thống Ấn Độ cho thấy

Tác giả liên hệ: Mai Văn Chân;
Địa chỉ e-mail: maivanchan@dhsphue.edu.vn
DOI: https://doi.org/10.26459/jse.057.2025

rằng các mạng lưới cộng đồng, đặc biệt là các nhóm phụ nữ, đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì kỹ thuật dệt và may vá truyền thống thông qua các mối quan hệ gia đình và làng xóm. Tương tự, nghiên cứu của Niessen (2003) về trang phục dân tộc ở Châu Á đã chỉ ra rằng lòng tin vào giá trị văn hóa và các chuẩn mực xã hội khuyến khích sử dụng trang phục truyền thống trong các nghi lễ giúp duy trì bản sắc dân tộc (Niessen et al., 2003).

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về vốn xã hội và bảo tồn trang phục truyền thống đã ghi nhận những đóng góp quan trọng. Huỳnh Ngọc Chương (2023) nhấn mạnh rằng vốn xã hội hỗ trợ sinh kế và tăng cường sự gắn kết cộng đồng ở các vùng nông thôn, đặc biệt là trong việc duy trì các mối quan hệ xã hội truyền thống. Bùi Văn Tuấn (2020) đã nghiên cứu vốn xã hội trong bối cảnh đô thị hóa ở ngoại ô Hà Nội, cho thấy nó có thể hỗ trợ các cộng đồng thích nghi với những thay đổi kinh tế-xã hội mà vẫn giữ được một phần bản sắc văn hóa. Lường Hoài Thanh (2020) cho rằng, trang phục là một trong những thành tố quan trọng của văn hóa tộc người. Trang phục truyền thống vừa là dấu hiệu ban đầu để nhận biết các dân tộc, vừa phản ánh được nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội và tính đa dạng, đặc sắc của từng cộng đồng dân cư. Nguyễn Thị Song Hà (2023) khẳng định, trong bối cảnh hiện nay, trang phục truyền thống các tộc người thiểu số có nhiều biến đổi, nhất là ở mức độ sử dụng, nguồn nguyên vật liệu... khiến cho nhiều giá trị văn hóa có nguy cơ mai một. Vì thế, công tác bảo tồn, phát huy giá trị của trang phục truyền thống là việc làm cần thiết và cấp bách.

Mặc dù các nghiên cứu trên đã cung cấp một nền tảng lý thuyết và thực tiễn quan trọng. Tuy nhiên, các nghiên cứu tập trung vào vai trò cụ thể của vốn xã hội trong bảo tồn trang phục truyền thống tại các vùng dân tộc thiểu số vẫn còn rất hạn chế. Với đặc thù là một huyện miền núi, các dân tộc thiểu số vẫn duy trì các truyền thống như dệt Zèng và sử dụng trang phục truyền thống trong các nghi lễ. Hơn nữa, bối cảnh đa dân tộc tại đây với sự giao thoa giữa dân tộc Kinh, Tà Ôi và Cơ Tu đã tạo nên một bức tranh văn hóa phức tạp, nơi vốn xã hội có thể đóng vai trò như một cầu nối để duy trì và phát huy bản sắc văn hóa trước những thách thức của hiện đại hóa. Nghiên cứu này nhằm lấp khoảng trống của các nghiên cứu trước đó bằng cách thông qua phân tích định lượng các yếu tố mạng lưới xã hội, lòng tin, và chuẩn mực xã hội, đánh giá tác động của vốn xã hội đến bảo tồn trang phục truyền thống tại A Lưới, từ đó cung cấp cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp bảo tồn bền vững, phù hợp với đặc thù địa phương.

2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu được thu thập từ 150 người dân huyện A Lưới vào 2 khung thời gian (tháng 03/2024 và tháng 11/2024). Để tính toán kích thước mẫu, chúng tôi đã sử dụng công thức Slovin: $n=N/1+N*e^2$. Trong đó, N là tổng dân số huyện A Lưới (Khoảng 55.000 người vào năm 2024), e là sai số cho phép (chọn 10% để đảm bảo tính khả thi về nguồn lực và thời gian). Kết quả tính toán cho thấy kích thước mẫu tối thiểu cần thiết là khoảng 99 người. Tuy nhiên để tăng thêm độ tin cậy thống kê nên nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát 150 người. Nhóm tác giả sử dụng bảng câu hỏi với thang đo Likert 5 điểm (1 = Hoàn toàn không đồng ý, 5 = Hoàn toàn đồng ý). Mẫu được chọn bằng phương pháp lấy mẫu phân tầng để đảm bảo đại diện cho các dân tộc Kinh (n=35), Cơ Tu (n=45), và Tà Ôi (n=70). Thông tin nhân khẩu học khác như tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp cũng được thu thập (bảng 1).

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của mẫu khảo sát (N=150)

Biến	Phân loại	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	51.3
	Nữ	48.7
Độ tuổi	Dưới 30	22.7
	30–44	29.3
	45–60	24.0
	Trên 60	24.0
Dân tộc	Tà Ôi	46.7
	Cơ Tu	30.0
	Kinh	23.3
Trình độ học vấn	Không đi học	18.0
	Tiểu học	16.7
	Trung học cơ sở (THCS)	28.7
	Trung học phổ thông (THPT)	14.0
	Cao đẳng/Đại học	22.7

Bảng hỏi gồm 30 câu, chia thành ba thang đo: (1) Mạng lưới xã hội (ML): 10 câu hỏi (ML01–ML10), đo lường sự tham gia vào các hoạt động cộng đồng liên quan đến trang phục truyền thống, như tham gia lễ hội, kết nối với người mặc trang phục, hoặc tham gia lớp học dệt vải. (2) Lòng tin (LT): 10 câu hỏi (LT01–LT10), đánh giá niềm tin vào giá trị văn hóa của trang phục truyền thống, vai trò của nghệ nhân, và sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương và (3) Chuẩn mực xã hội (CM): 10 câu hỏi (CM01–CM10), tập trung vào các chuẩn mực khuyến khích bảo tồn trang phục, như sử dụng trong nghi lễ, giáo dục con cháu, hoặc đánh giá tích cực từ cộng đồng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp điều tra xã hội học

Sử dụng phiếu khảo sát cấu trúc để thu thập thông tin từ 150 người dân huyện A Lưới. Phỏng vấn trực tiếp kết hợp quan sát thực tế để hiểu rõ hơn về bối cảnh văn hóa và mối quan hệ xã hội tại địa phương.

2.2.2. Phương pháp toán học

Dữ liệu được mã hóa bằng Microsoft Excel và phân tích bằng SPSS. Các bước bao gồm:

Kiểm tra độ tin cậy thang đo bằng Cronbach’s Alpha.

Kiểm định tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation).

Phân tích nhân tố khám phá (EFA) với phương pháp Principal Component Analysis và xoay Varimax để xác định các nhóm nhân tố chính.

Phân tích hồi quy tuyến tính để xác định mối quan hệ giữa các nhân tố độc lập và biến phụ thuộc.

Kiểm định t-test và ANOVA được sử dụng để so sánh giữa các nhóm dân tộc và trình độ học vấn.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kiểm tra độ tin cậy của thang đo và tương quan biến tổng

Bảng 2. Kết quả kiểm tra độ tin cậycủa thang đo và tương quan biến tổng

Yếu tố	Cronbach’s Alpha	Corrected Item-Total Correlation	P - value
Mạng lưới quan hệ	0.80	0.45	< 0.001
Lòng tin	0.79	0.43	< 0.001
Chuẩn mực xã hội	0.81	0.45	< 0.001

Bảng 2 cho thấy tất cả các giá trị Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0.7, cho thấy các thang đo này có độ tin cậy cao, phản ánh nhất quán nội dung cần đo lường. Hệ số tương quan biến-tổng (Corrected Item-Total Correlation): Các giá trị tương quan biến-tổng dao động từ 0.43 đến 0.45. Tất cả đều lớn hơn 0.3, cho thấy các biến trong thang đo có mối quan hệ chặt chẽ với tổng thang đo, đảm bảo tính nhất quán nội tại. Tất cả các thang đo đều có P-value < 0.001, cho thấy các mối quan hệ này có ý nghĩa thống kê rất cao, xác nhận độ tin cậy của thang đo không phải là ngẫu nhiên. Do vậy, có thể sử dụng các thang đo này cho phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy tuyến tính.

3.2. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích nhân tố khám phá (EFA) được thực hiện trên 30 biến (ML01–ML10, LT01–LT10, CM01–CM10) sử dụng phương pháp Principal Component Analysis (PCA) với phép xoay Varimax để xác định cấu trúc nhân tố của các thang đo vốn xã hội. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: hệ số tải nhân tố (factor loading) ≥ 0.5, giá trị KMO ≥ 0.6, và kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$). Kết quả phân tích cho thấy:

Giá trị KMO = 0.85, đáp ứng yêu cầu về tính phù hợp của dữ liệu cho EFA.

Kiểm định Bartlett đạt ý nghĩa thống kê ($p < 0.001$), xác nhận dữ liệu có sự tương quan phù hợp.

Tổng phương sai trích đạt 65.4%, cho thấy các nhân tố giải thích tốt biến thiên của dữ liệu.

EFA xác định ba nhân tố chính, tương ứng với ba thang đo trong phiếu điều tra:

Nhân tố 1: Mạng lưới xã hội và tham gia cộng đồng (ML01–ML10)

Các biến thuộc nhân tố này liên quan đến sự tham gia vào các hoạt động cộng đồng liên quan đến trang phục truyền thống, các mối quan hệ trong làng xóm, và sự kết nối với những người có chung sở thích bảo tồn văn hóa. Các câu hỏi như tham gia lễ hội (ML01), giữ gìn trang phục trong gia đình (ML02), quen biết người mặc trang phục truyền thống (ML04), và tham gia lớp học dệt vải (ML08) đều có hệ số tải nhân tố từ 0.52 đến 0.78. Nhân tố này phản ánh vai trò của các mối quan hệ xã hội và sự gắn kết cộng đồng trong việc duy trì trang phục truyền thống.

Nhân tố 2: Lòng tin vào giá trị văn hóa và bảo tồn (LT01–LT10)

Nhân tố này bao gồm các biến liên quan đến niềm tin vào tầm quan trọng của trang phục truyền thống, vai trò của chính quyền địa phương, nghệ nhân, và sự đoàn kết cộng đồng trong việc bảo tồn văn hóa. Các câu hỏi như niềm tin vào bản sắc văn hóa (LT01), vai trò của nghệ nhân (LT06), và sự cần thiết của bảo tồn để tránh mai một (LT08) có hệ số tải nhân tố từ 0.50 đến 0.76. Nhân tố này thể hiện niềm tin của cộng đồng vào giá trị văn hóa của trang phục truyền thống và khả năng duy trì di sản này trong xã hội hiện đại.

Nhân tố 3: Chuẩn mực xã hội và thực hành văn hóa (CM01–CM10)

Các biến thuộc nhân tố này liên quan đến các chuẩn mực xã hội khuyến khích việc sử dụng và bảo tồn trang phục truyền thống, bao gồm sự đánh giá cao từ cộng đồng, giáo dục con cháu, và thực hành trong các nghi lễ. Các câu hỏi như xem mặc trang phục dân tộc là hành vi tích cực (CM01), khuyến khích trong lễ hội (CM02), và vai trò trong giáo dục con cháu (CM09) có hệ số tải nhân tố từ 0.54 đến 0.80. Nhân tố này nhấn mạnh vai trò của các chuẩn mực xã hội trong việc định hình hành vi bảo tồn trang phục truyền thống.

Cấu trúc ba nhân tố này phù hợp với thiết kế ban đầu của phiếu điều tra, xác nhận tính hợp lý của các thang đo mạng lưới xã hội, lòng tin, và chuẩn mực xã hội trong việc đo lường vốn xã hội liên quan đến bảo tồn trang phục truyền thống.

3.3. Phân tích hồi quy tuyến tính

Để đánh giá ảnh hưởng của vốn xã hội đến ý định bảo tồn trang phục truyền thống, mô hình hồi quy tuyến tính được xây dựng với biến phụ thuộc là điểm trung bình của thang đo Chuẩn mực xã hội (CM), đại diện cho ý định bảo tồn, được tính từ trung bình cộng của các câu hỏi CM01 đến CM10. Hai biến độc lập là điểm trung bình của thang đo Mạng lưới xã hội (ML, từ ML01 đến ML10) và Lòng tin (LT, từ LT01 đến LT10), đại diện cho các thành phần cốt lõi của vốn xã hội. Mô hình hồi quy được mô tả như sau:

$$CM = \beta_0 + \beta_1.ML + \beta_2.LT + \epsilon$$

Trong đó: *CM*: Biến phụ thuộc

β_0: Hằng số

β_1, β_2: Hệ số hồi quy của ML và LT

ϵ: Sai số ngẫu nhiên

Biến phụ thuộc: Điểm trung bình của thang đo Chuẩn mực xã hội (CM), được tính bằng trung bình cộng của các biến CM01–CM10, đại diện cho ý định bảo tồn trang phục truyền thống.

Biến độc lập: Điểm trung bình của hai thang đo Mạng lưới xã hội (ML) và Lòng tin (LT), được tính từ các biến ML01–ML10 và LT01–LT10.

Phân tích được thực hiện riêng cho từng nhóm dân tộc (Tà Ôi, Cơ Tu, Kinh) và trình độ học vấn (Không đi học, Tiểu học, THCS, THPT, Cao đẳng/Đại học). Kết quả được trình bày trong các bảng 3-4 như sau:

Bảng 3. Kết quả hồi quy tuyến tính theo dân tộc

Dân tộc	Biến độc lập	Hệ số hồi quy (beta)	Lỗi chuẩn	t-value	p-value	R^2
Tà Ôi (N=70)	Hằng số	0.78	0.25	3.12	0.002	0.65
	Mạng lưới xã hội (ML)	0.40	0.10	4.00	< 0.001	
	Lòng tin (LT)	0.37	0.11	3.36	0.001	
Cơ Tu (N=45)	Hằng số	0.82	0.28	2.93	0.005	0.60
	Mạng lưới xã hội (ML)	0.36	0.12	3.00	0.004	
	Lòng tin (LT)	0.34	0.13	2.62	0.012	
Kinh (N=35)	Hằng số	0.90	0.30	3.00	0.005	0.55
	Mạng lưới xã hội (ML)	0.33	0.14	2.36	0.024	
	Lòng tin (LT)	0.30	0.15	2.00	0.053	

Dân tộc Tà Ôi: Mô hình giải thích 65% biến thiên của ý định bảo tồn (R^2 = 0.65). Cả ML (β= 0.40, p < 0.001) và LT ((β= 0.37, p = 0.001) đều có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê, với ML có tác động mạnh hơn. Điều này cho thấy các hoạt động cộng đồng, như tham gia lễ hội hoặc kết nối với người mặc trang phục, rất quan trọng với nhóm Tà Ôi.

Dân tộc Cơ Tu: Mô hình giải thích 60% biến thiên (R^2 = 0.60). ML (β = 0.36, p = 0.004) và LT (β = 0.34, p = 0.012) đều có ảnh hưởng đáng kể, nhưng ML nổi bật hơn, phản ánh vai trò của các hoạt động cộng đồng trong bảo tồn trang phục.

Dân tộc Kinh: Mô hình giải thích 55% biến thiên (R^2= 0.55). ML (β = 0.33, p = 0.024) có ý nghĩa thống kê, nhưng LT (β = 0.30, p = 0.053) chỉ đạt ý nghĩa ở mức biên, cho thấy nhóm Kinh ít phụ thuộc vào lòng tin vào giá trị văn hóa so với các dân tộc thiểu số.

Bảng 4. Kết quả hồi quy tuyến tính theo trình độ học vấn

Trình độ học vấn	Biến độc lập	Hệ số hồi quy (β)	Lỗi chuẩn	t-value	p-value	R^2
Không đi học (N=27)	Hằng số	0.75	0.32	2.34	0.027	0.58
	Mạng lưới xã hội (ML)	0.39	0.15	2.60	0.015	
	Lòng tin (LT)	0.32	0.16	2.00	0.056	
Tiểu học (N=25)	Hằng số	0.80	0.30	2.67	0.014	0.60
	Mạng lưới xã hội (ML)	0.37	0.14	2.64	0.015	
	Lòng tin (LT)	0.35	0.15	2.33	0.029	
THCS (N=43)	Hằng số	0.82	0.27	3.04	0.004	0.63
	Mạng lưới xã hội (ML)	0.38	0.11	3.45	0.001	
	Lòng tin (LT)	0.36	0.12	3.00	0.005	
THPT (N=21)	Hằng số	0.85	0.34	2.50	0.021	0.57
	Mạng lưới xã hội (ML)	0.35	0.16	2.19	0.040	
	Lòng tin (LT)	0.33	0.17	1.94	0.067	
Cao đẳng/Đại học (N=34)	Hằng số	0.88	0.28	3.14	0.004	0.61
	Mạng lưới xã hội (ML)	0.36	0.12	3.00	0.005	
	Lòng tin (LT)	0.34	0.13	2.62	0.013	

Không đi học: Mô hình giải thích 58% biến thiên (R^2 = 0.58). ML (β = 0.39, p = 0.015) có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê, trong khi LT (β = 0.32, p = 0.056) chỉ đạt ý nghĩa ở mức biên, cho thấy nhóm này phụ thuộc nhiều vào mạng lưới xã hội hơn.

Tiểu học và THCS: Cả hai nhóm có R^2 (0.60 và 0.63), với ML và LT đều có ảnh hưởng đáng kể (p < 0.05). Nhóm THCS cho thấy tác động mạnh nhất từ ML (β = 0.38, p = 0.001), phản ánh vai trò của các hoạt động cộng đồng.

THPT: Mô hình giải thích 57% biến thiên (R^2 = 0.57). ML (beta = 0.35, p = 0.040) có ý nghĩa thống kê, nhưng LT (β = 0.33, p = 0.067) không đạt ý nghĩa rõ rệt, cho thấy nhóm này ít bị ảnh hưởng bởi lòng tin.

Cao đẳng/Đại học: Mô hình giải thích 61% biến thiên (R^2 = 0.61). Cả ML (β = 0.36, p = 0.005) và LT (β = 0.34, p = 0.013) đều có ảnh hưởng đáng kể, cho thấy nhóm có học vấn cao cân bằng giữa mạng lưới xã hội và lòng tin.

3.4. Thảo luận

So sánh với các nghiên cứu trước đây, kết quả của nghiên cứu này có một số điểm tương đồng và khác biệt đáng chú ý, góp phần xác nhận và bổ sung vào cơ sở lý thuyết về vai trò của vốn xã hội trong bảo tồn văn hóa. Tương tự như nghiên cứu của Portes (1998) và Woolcock (1998), vốn xã hội, thông qua mạng lưới xã hội (ML), lòng tin (LT), và chuẩn mực xã hội (CM), được xác nhận là yếu tố quan trọng trong việc duy trì các giá trị văn hóa truyền thống trước áp lực hiện đại hóa. Đặc biệt, phát hiện về tác động mạnh mẽ của chuẩn mực xã hội (CM) đối với ý định bảo tồn trang phục truyền thống tại A Lưới phù hợp với nghiên cứu của Niessen (2003), khi nhấn mạnh rằng các chuẩn mực xã hội khuyến khích sử dụng trang phục trong nghi lễ là động lực chính để duy trì bản sắc dân tộc. Tương tự, nghiên cứu của Tarlo (1996) về trang phục Ấn Độ cũng chỉ ra vai trò của mạng lưới xã hội, đặc biệt là các nhóm phụ nữ, trong việc bảo tồn kỹ thuật dệt truyền thống, điều này được phản ánh qua tác động đáng kể của ML trong cộng đồng Tà Ôi và Cơ Tu.

Tại Việt Nam, kết quả nghiên cứu này củng cố quan điểm của Huỳnh Ngọc Chương (2023) về vai trò của vốn xã hội trong việc tăng cường sự gắn kết cộng đồng và bảo vệ các giá trị văn hóa tại các vùng nông thôn. Tuy nhiên, nghiên cứu này bổ sung một góc nhìn cụ thể hơn bằng cách phân tích định lượng tác động của từng thành phần vốn xã hội (ML, LT, CM) đến bảo tồn trang phục truyền thống, điều mà các nghiên cứu trước đây như của Bùi Văn Tuấn (2020) chưa tập trung sâu. Ngoài ra, phát hiện về sự khác biệt giữa các nhóm dân tộc, đặc biệt là vai trò hạn chế của lòng tin (LT) ở nhóm Kinh so với Tà Ôi và Cơ Tu, cung cấp một góc nhìn mới so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Song Hà (2023), vốn chủ yếu thảo luận về biến đổi chung của trang phục truyền thống mà không đi sâu vào sự khác biệt theo dân tộc.

Nghiên cứu này cũng không ghi nhận mâu thuẫn trực tiếp với các nghiên cứu trước đó, nhưng đã mở rộng phạm vi ứng dụng lý thuyết vốn xã hội vào bối cảnh đa dân tộc tại A Lưới, nơi giao thoa văn hóa và áp lực

hiện đại hóa tạo ra những thách thức đặc thù. Việc xác định chuẩn mực xã hội là yếu tố tác động mạnh nhất đến ý định bảo tồn là một đóng góp quan trọng, bổ sung cho nghiên cứu của Lường Hoài Thanh (2020), vốn nhấn mạnh ý nghĩa văn hóa của trang phục nhưng chưa đánh giá vai trò của các yếu tố xã hội như CM. Những phát hiện này không chỉ củng cố lý thuyết vốn xã hội mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn để thiết kế các giải pháp bảo tồn phù hợp với từng nhóm dân tộc và trình độ học vấn tại địa phương.

So sánh theo dân tộc

Phân tích ANOVA cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong điểm trung bình của thang đo CM giữa các dân tộc. Kết quả hồi quy tuyến tính cho thấy dân tộc Tà Ôi và Cơ Tu có R^2 (0.65 và 0.60) so với dân tộc Kinh (0.55), với ML (β = 0.40 và 0.36) và LT (β = 0.37 và 0.34) đều có ảnh hưởng đáng kể ($p < 0.05$) ở hai nhóm dân tộc thiểu số. Trong khi đó, ở nhóm Kinh, LT chỉ đạt ý nghĩa thống kê ở mức biên (β = 0.30, p = 0.053).

Sự khác biệt này có thể được giải thích bởi bối cảnh văn hóa và xã hội. Dân tộc Tà Ôi và Cơ Tu có truyền thống dệt Zèng và sử dụng trang phục truyền thống trong các nghi lễ như cưới hỏi, lễ hội, và tín ngưỡng tâm linh, tạo nên mạng lưới xã hội mạnh mẽ (ML) thông qua các hoạt động cộng đồng. Niềm tin vào giá trị văn hóa (LT) cũng được củng cố bởi vai trò của già làng và nghệ nhân, những người giữ gìn kỹ thuật dệt và truyền dạy cho thế hệ sau. Ngược lại, dân tộc Kinh, chịu ảnh hưởng mạnh từ hiện đại hóa và lối sống đô thị, có xu hướng ít tham gia các hoạt động văn hóa truyền thống, dẫn đến điểm CM thấp hơn và LT kém ý nghĩa hơn. Điều này cho thấy vốn xã hội có tác động mạnh hơn trong các cộng đồng dân tộc thiểu số, nơi các mối quan hệ và niềm tin văn hóa vẫn được duy trì chặt chẽ.

So sánh theo trình độ học vấn

Phân tích hồi quy cho thấy nhóm THCS có R^2 cao nhất (0.63), với ML (β = 0.38, p = 0.001) và LT (β = 0.36, p = 0.005) đều có ảnh hưởng mạnh. Nhóm cao đẳng/đại học và tiểu học cũng có R^2 cao (0.61 và 0.60), với ML và LT đều có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$). Nhóm không đi học có R^2 thấp hơn (0.58), với LT chỉ đạt ý nghĩa ở mức biên (β = 0.32, p = 0.056). Nhóm THPT có R^2 thấp nhất (0.57), với LT không đạt ý nghĩa thống kê (β = 0.33, p = 0.067).

Những khác biệt này có thể liên quan đến mức độ tiếp cận thông tin và vai trò xã hội. Nhóm THCS, thường là những người trưởng thành ở khu vực nông thôn, tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng như lễ hội và lớp học dệt, đồng thời duy trì niềm tin vào giá trị văn hóa (LT) thông qua các chuẩn mực xã hội (CM). Nhóm cao đẳng/đại học, với nhận thức cao hơn về giá trị văn hóa, cân bằng giữa ML và LT, dẫn đến ý định bảo tồn mạnh mẽ. Nhóm không đi học, do hạn chế về tiếp cận giáo dục, phụ thuộc nhiều vào mạng lưới xã hội (ML) hơn là niềm tin (LT). Nhóm THPT, thường là thanh niên trẻ, có điểm CM thấp hơn do ảnh hưởng của hiện đại hóa, làm giảm niềm tin vào giá trị văn hóa.

Tổng hợp và ý nghĩa

Kết quả nghiên cứu cho thấy vốn xã hội, thông qua ML, LT, và CM, đóng vai trò khác nhau giữa các nhóm dân tộc và trình độ học vấn. Dân tộc Tà Ôi và Cơ Tu thể hiện sự gắn bó mạnh mẽ với các chuẩn mực bảo tồn (CM cao), nhờ vào mạng lưới xã hội chặt chẽ và niềm tin vào giá trị văn hóa. Nhóm có trình độ học vấn trung bình (THCS) và cao (cao đẳng/đại học) cho thấy tiềm năng lớn trong việc thúc đẩy bảo tồn, nhưng nhóm không đi học và THPT cần các chương trình giáo dục văn hóa để tăng LT và CM. Những phát hiện này củng cố ý nghĩa của việc sử dụng vốn xã hội trong các chiến lược bảo tồn, đặc biệt trong bối cảnh đa dân tộc và hiện đại hóa tại A Lưới.

3.5. Đề xuất một số giải pháp phát huy vai trò của vốn xã hội trong bảo tồn trang phục truyền thống ở huyện A Lưới

Kết quả nghiên cứu cho thấy vốn xã hội – bao gồm mạng lưới xã hội, lòng tin và chuẩn mực xã hội – có ảnh hưởng đáng kể đến ý định bảo tồn trang phục truyền thống ở huyện A Lưới. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng này có sự khác biệt theo dân tộc và trình độ học vấn, đòi hỏi các giải pháp phải được thiết kế phù hợp với từng nhóm đối tượng. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp sau nhằm phát huy hiệu quả vai trò của vốn xã hội trong bảo tồn trang phục truyền thống tại địa phương.

Tăng cường mạng lưới xã hội thông qua các hoạt động cộng đồng

Chính quyền địa phương và các tổ chức văn hóa nên phối hợp tổ chức các lễ hội truyền thống, như lễ hội A Za (Tà Ôi) hoặc lễ hội mừng lúa mới (Cơ Tu), khuyến khích người dân sử dụng trang phục truyền thống. Các sự kiện này cần thu hút cả nhóm người Kinh tham gia để tăng cường kết nối giữa các dân tộc.

Thành lập các lớp học dệt vải do nghệ nhân Tà Ôi và Cơ Tu hướng dẫn. Các lớp học nên được tổ chức tại trung tâm văn hóa xã, kết hợp với các buổi giao lưu để tạo mạng lưới giữa các thế hệ.

Tạo các nhóm phụ nữ tại các xã, đặc biệt ở nhóm có học vấn thấp (Không đi học, Tiểu học), để chia sẻ kỹ

thuật dệt và kinh nghiệm may vá. Các nhóm này có thể liên kết với hợp tác xã để tiếp thị sản phẩm, tăng cường vốn xã hội liên kết.

Nâng cao lòng tin vào giá trị văn hóa của trang phục truyền thống

Tích hợp nội dung về trang phục truyền thống và nghề dệt Zèng vào chương trình giáo dục tại trường học, đặc biệt ở cấp THPT. Các bài học có thể bao gồm lịch sử, ý nghĩa văn hóa, và tầm quan trọng của trang phục trong nghi lễ.

Tổ chức các chương trình vinh danh nghệ nhân dệt vải tại A Lưới, như "Nghệ nhân Văn hóa Tà Ôi" hoặc "Giữ lửa nghề Zèng", để củng cố niềm tin vào vai trò của họ. Các nghệ nhân nên được mời tham gia giảng dạy và giao lưu với cộng đồng để truyền cảm hứng.

Chính quyền cần đầu tư vào các dự án bảo tồn, như cung cấp nguyên liệu dệt (bông, sợi) hoặc tổ chức hội thảo về giá trị văn hóa, nhằm tăng niềm tin vào sự hỗ trợ từ chính quyền, đặc biệt ở nhóm không đi học.

Củng cố chuẩn mực xã hội khuyến khích bảo tồn trang phục

Chuẩn mực xã hội (CM) là yếu tố có tác động mạnh nhất đến ý định bảo tồn, do đó chính quyền và cộng đồng nên khuyến khích sử dụng trang phục truyền thống trong các sự kiện như cưới hỏi, lễ hội và nghi lễ tâm linh. Có thể đưa ra các chính sách khen thưởng (như bằng khen, quà tặng) cho các gia đình thường xuyên sử dụng trang phục.

Tăng cường các hoạt động giáo dục con cháu về ý nghĩa của trang phục thông qua các câu lạc bộ văn hóa tại trường học hoặc cộng đồng. Các hoạt động như thi thiết kế trang phục truyền thống hoặc trình diễn thời trang dân tộc có thể thu hút cộng đồng tham gia.

Sử dụng các nền tảng mạng xã hội như Zalo, TikTok, Facebook… để lan tỏa hình ảnh trang phục truyền thống, tạo chuẩn mực xã hội tích cực. Các video ngắn về nghề dệt Zèng hoặc câu chuyện của nghệ nhân có thể thu hút nhóm trẻ và nhóm người Kinh nhằm tăng cường nhận thức về giá trị văn hóa.

Xây dựng hợp tác xã và liên kết thị trường để tăng cường vốn xã hội liên kết

Nghiên cứu chỉ ra rằng vốn xã hội trong cộng đồng rất mạnh ở nhóm Tà Ôi và Cơ Tu, nhưng vốn xã hội liên kết (bridging social capital) với các tổ chức bên ngoài còn hạn chế. Để khắc phục vấn đề này thì cần:

Hỗ trợ thành lập các hợp tác xã tại A Lưới, tập hợp các nghệ nhân và nhóm phụ nữ để sản xuất và tiếp thị sản phẩm thổ cẩm. Hợp tác xã có thể liên kết với các doanh nghiệp du lịch hoặc cửa hàng thời trang dân tộc để đưa sản phẩm ra thị trường, tăng thu nhập và động lực bảo tồn.

Kết nối các nhóm dệt sản với các tour du lịch văn hóa tại A Lưới, như trải nghiệm dệt Zèng hoặc tham quan làng nghề, để quảng bá trang phục truyền thống. Điều này không chỉ tăng thu nhập mà còn củng cố niềm tin và chuẩn mực xã hội trong cộng đồng.

Chính quyền và các tổ chức phi chính phủ nên cung cấp hỗ trợ tài chính (vay vốn ưu đãi) và kỹ thuật (máy dệt hiện đại, thiết kế mẫu mới) để các nhóm dệt cải tiến sản phẩm, thu hút nhóm trẻ và nhóm có học vấn cao (Cao đẳng/Đại học).

Tăng cường nghiên cứu và giám sát vốn xã hội trong bảo tồn văn hóa

Chính quyền và các nhà nghiên cứu nên thực hiện khảo sát định kỳ để đánh giá mức độ tham gia cộng đồng (ML), niềm tin văn hóa (LT), và chuẩn mực xã hội (CM). Dữ liệu này giúp điều chỉnh các chương trình bảo tồn phù hợp với từng nhóm dân tộc và trình độ học vấn.

Tạo một cơ sở dữ liệu về trang phục truyền thống và nghề dệt Zèng tại A Lưới, bao gồm thông tin về kỹ thuật, mẫu mã, và nghệ nhân. Cơ sở dữ liệu này có thể được sử dụng để nghiên cứu, giảng dạy, và quảng bá, tăng cường lòng tin và chuẩn mực xã hội.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã đánh giá được tác động của vốn xã hội trong việc bảo tồn trang phục truyền thống tại huyện A Lưới thông qua ba thành phần chính: mạng lưới xã hội, lòng tin và chuẩn mực xã hội. Kết quả phân tích cho thấy cả ba yếu tố đều có ảnh hưởng đáng kể đến ý định bảo tồn, trong đó chuẩn mực xã hội là yếu tố tác động mạnh nhất.

Sự khác biệt về mức độ ảnh hưởng giữa các nhóm dân tộc và trình độ học vấn phản ánh tính đa dạng văn hóa tại A Lưới, đồng thời khẳng định vai trò trung tâm của các mối quan hệ cộng đồng và niềm tin văn hóa trong việc duy trì di sản truyền thống.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp thiết thực như: tăng cường hoạt động cộng đồng, giáo dục văn hóa trong trường học, hỗ trợ hợp tác xã và truyền thông văn hóa. Việc phát huy vốn xã hội một cách hiệu quả sẽ là chìa khóa để bảo tồn và phát triển bền vững trang phục truyền thống trong bối cảnh hiện đại hóa

và toàn cầu hóa.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế trong đề tài mã số "T.24.XH.507.05".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chương, H. N. (2023). Vai trò của vốn xã hội trong việc định hình sinh kế cho các hộ gia đình nông thôn Việt Nam. *PLoS ONE*, *18*(12), e0295292.

Liên, N. (2023). Ứng dụng công nghệ số bảo tồn trang phục truyền thống. *Báo Nhân Dân*. https://nhandan.vn/ung-dung-cong-nghe-so-bao-ton-trang-phuc-truyen-thong-post734670.html

Lin, N. (2001). *Social capital: A theory of social structure and action*. Cambridge University Press.

Lường, H. T. (2020). Nét đẹp văn hóa trong trang phục truyền thống của người Dao Tiền ở huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, *9*(3).

Nguyễn, T. S. H. (2023). Biến đổi trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và công tác bảo tồn, phát huy trong đời sống hiện nay. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, (7).

Niessen, S., Leshkowich, A. M., & Jones, C. (2003). *The globalization of Asian dress: Re-orienting fashion*. Berg.

Portes, A. (1998). Social capital: Its origins and applications in modern sociology. *Annual Review of Sociology*, *24*, 1–24.

Tarlo, E. (1996). *Clothing matters: Dress and identity in India*. University of Chicago Press.

Tuan, B. V. (2020). Vốn xã hội trong chiến lược sinh kế của người dân ven đô Hà Nội trong bối cảnh đô thị hóa. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, *6*(4).

Woolcock, M. (1998). Social capital and economic development: Towards a theoretical synthesis and policy framework. *Theory and Society*, *27*, 151–208.

An assessment of the role of social capital in the preservation of traditional attire in A Luoi district, Hue city

Mai Van Chan[1], Nguyen Hoang Son[2], Le Phuc Chi Lang[1], Nguyen Ngoc Dan[1], Tran Thi Cam Tu[1], Cao Thi Hoa[1], Cao Thi Thanh Thuy[3]

[1]University of Education, Hue University

[2]Institute of Open Education and Information technology, Hue University

[3]Quang Binh University

ARTICLE INFO

Article history:
Received 28 April 2025
Received in revised form 18 June 2025
Accepted 19 June 2025
Published 20 October 2025

Keywords:
Social capital
Traditional clothing
A Luoi district

Corresponding author:
Mai Van Chan
E-mail address:
maivanchan@dhsphue.edu.vn

ABSTRACT

This study evaluates the role of social capital in the preservation of traditional clothing in A Luoi district, Huế city, focusing on three main components: social networks (ML), trust (LT), and social norms (CM). Data were collected from 150 respondents belonging to three ethnic groups (Ta Oi, Co Tu, and Kinh) using a 30-item questionnaire based on a 5-point Likert scale. The data were analyzed through exploratory factor analysis (EFA) and linear regression. The results indicate that all three components of social capital significantly influence the intention to preserve traditional clothing, with social norms having the strongest effect. The Ta Oi and Co Tu ethnic groups rely more heavily on social networks and trust, while the Kinh group is less influenced by trust. Based on these findings, the study proposes several solutions—such as enhancing community activities, promoting cultural education, and developing market linkages—to support the preservation of traditional attire in the context of globalization.